

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 21/2019/KDTM-ST

Ngày 13 tháng 9 năm 2019.

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 51/2016/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2018/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NNPTNT Việt Nam.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc Kh**, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lữ Thanh Ch** - sinh năm: 1982. (có mặt)

Nơi làm việc: Lý Thường Kiệt, thị trấn M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2016 của Ngân hàng NNPTNT Việt Nam.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Nh - sinh năm: 1992.

Thường trú: Trần Phú, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình Kh** - sinh năm: 1948. (vắng mặt)

Thường trú: Trần Phú, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 25/5/2017 của bà Nguyễn Hồng Nh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Trần Thị Th** - sinh năm: 1956. (vắng mặt)

Thường trú: Nhà Chung, phường A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

3.2. Ông **Phạm Tuấn Th1** - sinh năm: 1959. (vắng mặt)

3.3. Bà **Nguyễn Thị Kiều H** - sinh năm: 1962. (vắng mặt)

Cùng thường trú: Đỗ Nhuận, phường K, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2016, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/6/2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lữ Thanh Chí trình bày:

Ngày 18/12/2014, Ngân hàng NNPTNT Việt Nam và bà Nguyễn Hồng Nh có giao kết hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-201405353 về việc vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ sửa chữa và buôn bán phụ tùng xe gắn máy, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng 8%/năm, lãi quá hạn 12%/năm, hạn trả cuối cùng ngày 18/12/2015, dư nợ hiện tại 3.000.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Th, ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay trên, cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Th đã thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 585, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Tổ 22, Phố Nhà Chung, phường Tiên An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 386220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00765 QSDĐ/1061/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thành Chương, đã được cập nhật biến động cho bà Trần Thị Th ngày 21/7/2003, nhằm đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Hồng Nh đối với khoản vay vốn gốc 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

- Ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H đã thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam 01 chiếc xe ô tô con 05 chỗ hiệu Toyota Highland, màu vàng, sản xuất năm 2007, biển số: 51A - 182.59, số khung: 41A882023757, số máy: A306187 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 025231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2011 cho ông Phạm Tuấn Th1, nhằm đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Hồng Nh đối với khoản vay vốn gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, do bà Nhung đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn theo thỏa thuận nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng NNPTNT Việt Nam đã nhiều lần

mời đến làm việc, đơn đốc trả nợ nhưng bà Nhung vẫn cố tình kéo dài thời gian, không trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng NNPTNT Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng Nh phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến thời điểm xét xử ngày 13/9/2019 là 3.487.924.700 đồng, trong đó: nợ gốc 2.457.000.000 đồng, lãi trong hạn 989.521.333 đồng, lãi quá hạn 41.403.367 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản khác của bà Nguyễn Hồng Nh cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/6/2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 và đơn trình bày ý kiến ngày 29/6/2018, ông Nguyễn Đình Kh người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Hồng Nh thừa nhận ngày 18/12/2014 có ký kết với Ngân hàng NNPTNT Việt Nam hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-201405353 về việc vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay của bà Nhung, bà Trần Thị Th, ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H có ký hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm các tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của mình cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam đúng như đại diện phía Ngân hàng trình bày.

Bà Nguyễn Hồng Nh xác định tổng số tiền bà Nhung còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 26/6/2018 là 3.229.575.111 đồng, trong đó: nợ gốc 2.457.000.000 đồng, lãi trong hạn 747.097.333 đồng, lãi quá hạn 25.477.778 đồng. Do điều kiện khó khăn nên bà Nhung đã chậm trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Phần đất thế chấp hiện vẫn đang do bà Trần Thị Th quản lý, sử dụng và không có cho ai thuê, mượn.

Nay Ngân hàng NNPTNT Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng Nh phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã giao kết thì bà Nguyễn Hồng Nh đồng ý.

Tuy nhiên, bà Nhung không đồng ý đối với yêu cầu về việc nếu bà Nhung không trả được số tiền còn nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Th trình bày:

Bà Trần Thị Th thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Hồng Nh thì bà Trần Thị Th có tiến hành thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 585, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Tổ 22, Phố Nhà Chung, phường Tiên An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh

Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 386220, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00765 QSDĐ/1061/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thành Chương, đã được cập nhật biến động cho bà Trần Thị Th ngày 21/7/2003. Tuy nhiên, bà Trần Thị Th cho rằng bà Thực chỉ đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam trong thời hạn 01 năm và đến nay đã hết hiệu lực.

Nay Ngân hàng NNPTNT Việt Nam yêu cầu về việc nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được số tiền còn nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bà Trần Thị Th không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các tài liệu có tại hồ sơ vụ kiện và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2019 với tổng số 3.487.924.700 đồng là có căn cứ. Do đó, nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được số tiền còn nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ nội dung trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày 13/9/2019 với tổng số 3.487.924.700 đồng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng NNPTNT Việt Nam với bà Nguyễn Hồng Nh là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, các đương sự đã thỏa thuận với nhau khi phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc mở phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình Kh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th, ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị

Kiều H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-201405353 ngày 18/12/2014; bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 6140-LCL-201402015 ngày 18/12/2014; bản sao Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 6140-LCL-201402035 ngày 19/12/2014; Giấy nhận nợ (Lần 01) ngày 18/12/2014 và Giấy nhận nợ (Lần 02) ngày 22/12/2014. Phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa, các đương sự xác định không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng NNPTNT Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng Nh phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 04/10/2016 là 3.452.333.333 đồng, trong đó: nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi 452.333.333 đồng; và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản khác của bà Nguyễn Hồng Nh cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lữ Thanh Chí tiếp tục yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Hồng Nh phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 13/9/2019 là 3.487.924.700 đồng, trong đó: nợ gốc 2.457.000.000 đồng, lãi trong hạn 989.521.333 đồng, lãi quá hạn 41.403.367 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình Kh cũng thừa nhận ngày 18/12/2014, bà Nguyễn Hồng Nh có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NNPTNT Việt Nam và do điều kiện khó khăn nên bà Nhung còn nợ tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng đúng như trình bày của đại diện phía Ngân hàng.

Như vậy, phía bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn khi đến hạn trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi theo lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có đủ cơ sở chứng minh nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2019 với tổng số 3.487.924.700 đồng, trong đó: nợ gốc 2.457.000.000 đồng, lãi trong hạn 989.521.333 đồng, lãi quá hạn 41.403.367 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà Trần Thị Th, ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Hồng Nh theo Hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-201405353 ngày 18/12/2014, cụ thể:

- Bà Trần Thị Th đã thế chấp cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 585, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Tổ 22, Phố Nhà Chung, phường Tiên An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 386220, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00765 QSDĐ/1061/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thành Chương, đã được cập nhật biến động cho bà Trần Thị Th ngày 21/7/2003, nhằm đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Hồng Nh đối với khoản vay vốn gốc 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

- Ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H đã thế chấp cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam 01 chiếc xe ô tô 05 chỗ hiệu Toyota Highland, màu vàng, sản xuất năm 2007, biển số: 51A - 182.59, số khung: 41A882023757, số máy: A306187 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 025231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2011 cho ông Phạm Tuấn Th1, nhằm đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Hồng Nh đối với khoản vay vốn gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Do đó, nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được số tiền còn nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Kiểm sát viên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NNPTNT Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Nguyễn Hồng Nh.

[2] Buộc bà Nguyễn Hồng Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2019 là 3.487.924.700đ (ba tỷ,

bốn trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng), trong đó: nợ gốc 2.457.000.000 đồng, lãi trong hạn 989.521.333 đồng, lãi quá hạn 41.403.367 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2019 theo hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-201405353 ngày 18/12/2014 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Sau khi bà Nguyễn Hồng Nh trả hết các khoản nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có nghĩa vụ:

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Th bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 386220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00765 QSDĐ/1061/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thành Chương, đã được cập nhật biến động cho bà Trần Thị Th ngày 21/7/2003.

- Hoàn trả cho ông Phạm Tuấn Th1 và bà Nguyễn Thị Kiều H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 025231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2011 cho ông Phạm Tuấn Th1 đối với 01 chiếc xe ô tô 05 chỗ hiệu Toyota Highland, màu vàng, sản xuất năm 2007, biển số: 51A - 182.59, số khung: 41A882023757, số máy: A306187.

Đồng thời tiến hành thủ tục xóa thế chấp theo quy định của pháp luật.

[4] Nếu bà Nguyễn Hồng Nh không trả được nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 585, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Tổ 22, Phố Nhà Chung, phường Tiền An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 386220, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00765 QSDĐ/1061/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/11/1998 cho hộ ông Nguyễn Thành Chương, đã được cập nhật biến động cho bà Trần Thị Th ngày 21/7/2003.

- 01 chiếc xe ô tô 05 chỗ hiệu Toyota Highland, màu vàng, sản xuất năm 2007, biển số: 51A - 182.59, số khung: 41A882023757, số máy: A306187 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 025231 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2011 cho ông Phạm Tuấn Th1.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì Ngân hàng NNPTNT Việt Nam có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản khác của bà Nguyễn Hồng Nh cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bà Nguyễn Hồng Nh phải chịu 101.758.494đ (một trăm lẻ một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng NNPTNT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 50.523.333đ (năm mươi triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0029673 ngày 21/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân